

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN GELEX

Địa chỉ: Tầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại: 024 73012344

Fax: 024 36331510

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

QUÝ 1/2022

HÀ NỘI, THÁNG 04 NĂM 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN GELEX

Tầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành,
Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo tài chính riêng	02-30
Bảng cân đối kế toán riêng	02-03
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	04
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	05-06
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	07-30

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.242.595.354.475	1.084.060.380.536
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	299.152.981.195	577.844.093.712
111	1. Tiền		299.152.981.195	577.844.093.712
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	496.214.216.900	-
121	1. Chứng khoán kinh doanh		496.214.216.900	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		443.236.488.780	501.446.964.324
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	431.535.813.849	455.260.640.261
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	572.549.000	453.049.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	11.755.586.334	46.360.735.466
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(627.460.403)	(627.460.403)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.991.667.600	4.769.322.500
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	160.871.426	37.850.002
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.576.434.405	4.477.110.729
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		254.361.769	254.361.769
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		6.855.882.928.683	7.443.101.339.974
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.000.000	300.000.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	300.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	10.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		1.387.540.000	1.466.080.000
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.387.540.000	1.466.080.000
222	- Nguyên giá		3.211.322.250	3.211.322.250
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.823.782.250)	(1.745.242.250)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228	- Nguyên giá		88.400.000	88.400.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(88.400.000)	(88.400.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		5.283.018.727	5.283.018.727
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	5.283.018.727	5.283.018.727
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	11	6.843.248.089.734	7.133.129.420.115
251	1. Đầu tư vào công ty con		5.371.872.480.962	5.371.872.480.962
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	1.771.644.295.436
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.511.533.036.576	-
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(40.157.427.804)	(10.387.356.283)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		5.954.280.222	3.222.821.132
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	5.954.280.222	3.222.821.132
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.098.478.283.158	8.527.161.720.510

BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.692.948.350.113	4.394.773.663.754
310	I. Nợ ngắn hạn		1.827.911.095.342	2.030.956.674.136
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	245.683.242.187	63.722.620.711
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	-	33.103.679.600
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	167.603.218	102.709.564
314	4. Phải trả người lao động		2.484.785.600	2.552.536.340
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	15.340.927.644	32.567.062.402
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	165.315.403	3.384.445.223
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	711.819.463.246	1.108.623.015.412
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	852.141.068.883	786.786.415.723
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	108.689.161	114.189.161
330	II. Nợ dài hạn		1.865.037.254.771	2.363.816.989.618
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	1.865.037.254.771	2.363.816.989.618
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.405.529.933.045	4.132.388.056.756
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	4.405.529.933.045	4.132.388.056.756
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		835.287.500.000	835.287.500.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.000.000.000	5.000.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		565.242.433.045	292.100.556.756
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		292.100.556.756	4.377.916.987
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		273.141.876.289	287.722.639.769
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.098.478.283.158	8.527.161.720.510



Nguyễn Thị Vân Anh
Người lập



Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng




Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN GELEXTầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành,
Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Quý 1/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Quý 1/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1/2022	Quý 1/2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	569.258.843.880	794.033.180.670
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	26	569.258.843.880	794.033.180.670
11	4. Giá vốn hàng bán	27	557.348.955.772	785.183.858.835
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.909.888.108	8.849.321.835
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28	379.611.503.410	228.810.897.605
22	7. Chi phí tài chính	29	110.054.412.761	62.289.421.570
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		64.518.329.246	50.344.208.261
25	9. Chi phí bán hàng	30	1.219.213.109	2.850.846.095
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	7.105.889.359	3.710.520.560
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		273.141.876.289	168.809.431.215
31	12. Thu nhập khác		-	-
32	13. Chi phí khác	32	-	30.071.860
40	14. Lợi nhuận khác		-	(30.071.860)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		273.141.876.289	168.779.359.355
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	-	-
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>273.141.876.289</u>	<u>168.779.359.355</u>


Nguyễn Thị Vân Anh
Người lập


Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởngNguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Quý 1/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1/2022	Quý 1/2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		273.141.876.289	168.779.359.355
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		78.540.000	78.540.000
03	- Các khoản dự phòng		29.770.071.521	
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(372.750.940.188)	(166.458.204.094)
06	- Chi phí lãi vay		64.518.329.246	50.344.208.261
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(5.242.123.132)	52.743.903.522
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		31.229.298.009	86.815.423.415
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		-	165.218.675.401
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(252.851.479.769)	(825.729.621.725)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.854.480.514)	182.525.970
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(496.214.216.900)	75.453.500.890
14	- Tiền lãi vay đã trả		(77.858.176.810)	(58.460.982.995)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.500.000)	(12.500.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(803.796.679.116)	(503.789.075.522)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(2.568.027.000)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		300.000.000.000	
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		519.913.600.000	
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		140.820.452.907	172.499.849.333
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		960.734.052.907	169.931.822.333

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Quý 1/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 1/2022	Quý 1/2021
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		412.810.331.899	730.565.025.175
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(848.438.818.207)	(606.592.357.868)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(435.628.486.308)</i>	<i>123.972.667.307</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(278.691.112.517)	(209.884.585.882)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		577.844.093.712	213.821.688.703
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>299.152.981.195</u>	<u>3.937.102.821</u>

Nguyễn Thị Vân Anh
Người lập

Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 1/2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết bị điện GELEX tiền thân là Công ty TNHH Thiết bị điện GELEX (sau đây gọi tắt là "GELEX-ELECTRIC") được chuyển đổi thành Công ty cổ phần kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2020 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107547109 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp thay đổi lần thứ bảy vào ngày 22 tháng 09 năm 2021 (cấp lần đầu khi thành lập ngày 29 tháng 08 năm 2016).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm: hoạt động với vai trò là công ty mẹ, nắm giữ và quản lý phần vốn góp tại các công ty con trực tiếp hoạt động trong ngành sản xuất thiết bị điện và ngành phát điện; kinh doanh thiết bị đo điện gồm công tơ điện, đồng hồ Vol-Ampe, máy biến dòng, máy biến áp, tủ điện và các sản phẩm khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

- Công ty sở hữu trực tiếp các công ty con tại thời điểm 31/03/2022 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("CADIVI")	Thành phố Hồ Chí Minh	96,35%	96,35%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	Hà Nội	76,70%	76,70%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh, sửa chữa các loại động cơ điện và thiết bị điện
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("THIBIDI")	Tỉnh Đồng Nai	80,87%	80,87%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh, sửa chữa Máy biến áp và thiết bị điện
Công ty cổ phần Thiết bị đo điện Emic ("EMIC")	TP. Hà Nội	74,99%	74,99%	Sản xuất, chế tạo và kinh doanh, sửa chữa các loại Công tơ, đồng hồ, máy biến dòng, biếp áp và các sản phẩm thiết bị điện
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT ("CFT")	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc làm nguyên liệu sản xuất dây điện và cáp điện
Công ty TNHH Phát điện GELEX ("Phát điện Gelex")	TP. Hà Nội	100%	100%	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực phát điện
Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị ("Gelex Quảng Trị")	Tỉnh Quảng Trị	100%	100%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, Báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.6 . Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.7 . Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

2.8 . Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.9 . Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
Phần mềm máy tính	02 năm

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

2.11 . Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

2.12 . Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

2.13 . Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

2.14 . Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

2.16 . Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho chủ sở hữu sau khi được Hội đồng thành viên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng thành viên.

▶ *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

2.17 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định dựa theo khối lượng dịch vụ đã được thực hiện.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

2.18 . Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

2.19 . Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/03/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	94.720.479	128.228.760
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	299.058.260.716	577.715.864.952
	<u><u>299.152.981.195</u></u>	<u><u>577.844.093.712</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN GELEX

Tầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành,
Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Quý 1/2022

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chứng khoán kinh doanh

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
- Trái phiếu	496.214.216.900	496.214.216.900	-	-
	496.214.216.900	496.214.216.900	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN GELEX

Tầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành,
Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Quý 1/2022

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
Phải thu từ khách hàng	232.813.383.673	51.270.422.603
- Tổng Công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh TNHH	68.550.096.350	11.853.543.350
- Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	103.783.287.920	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	60.479.999.403	39.416.879.253
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	198.722.430.176	403.990.217.658
	431.535.813.849	455.260.640.261
<i>Dự phòng phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi</i>	<i>(627.460.403)</i>	<i>(627.460.403)</i>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
Trả trước cho người bán		
- Trung tâm thông tin Năng lượng	231.000.000	231.000.000
- Các khoản trả trước khác	341.549.000	222.049.000
	572.549.000	453.049.000

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
Tạm ứng	500.000	-	500.000	-
Ký cược, ký	5.000.000	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.592.745.141	-	-	-
Phải thu về cổ tức được chia	-	-	39.464.599.000	-
Phải thu khác	157.341.193	-	6.895.636.466	-
	11.755.586.334	-	46.360.735.466	-
Trong đó:				
- Phải thu khác từ các bên liên quan	-	-	39.464.599.000	-
- Phải thu ngắn hạn khác	11.755.586.334	-	6.896.136.466	-
Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	-	-
	10.000.000	-	-	-

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Phần mềm SAP S/4HANA	5.283.018.727	5.283.018.727
	5.283.018.727	5.283.018.727

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN GELEX

Tầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành,
Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Quý 1/2022

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	35.922.250	3.141.600.000	33.800.000	3.211.322.250
Số dư cuối kỳ	35.922.250	3.141.600.000	33.800.000	3.211.322.250
Trong đó:				
- Đã khấu hao hết	35.922.250	-	33.800.000	69.722.250
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	35.922.250	1.675.520.000	33.800.000	1.745.242.250
- Khấu hao trong kỳ	-	78.540.000	-	78.540.000
Số dư cuối kỳ	35.922.250	1.754.060.000	33.800.000	1.823.782.250
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	1.466.080.000	-	1.466.080.000
Tại ngày cuối kỳ	-	1.387.540.000	-	1.387.540.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN GELEXTầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành,
Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Quý 1/2022**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	88.400.000	88.400.000
Số dư cuối kỳ	88.400.000	88.400.000
Trong đó:		
- Đã hao mòn hết	88.400.000	88.400.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	88.400.000	88.400.000
Số dư cuối kỳ	88.400.000	88.400.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối kỳ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN GELEX

Tầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành,
Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Quý 1/2022

II . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2022				01/01/2022			
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty con	5.371.872.480.962	7.643.498.085.406	(40.157.427.804)	5.371.872.480.962	7.610.393.366.827	-	5.371.872.480.962	(10.387.356.283)
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	1.611.555.369.317	3.295.623.782.500	-	1.611.555.369.317	3.301.162.646.000	-	1.611.555.369.317	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện	753.600.289.824	1.164.205.670.500	-	753.600.289.824	1.211.563.189.300	-	753.600.289.824	-
- Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	332.061.707.611	549.170.946.000	-	332.061.707.611	433.399.773.600	-	332.061.707.611	-
- Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	112.485.000.000	112.485.000.000	-	112.485.000.000	112.485.000.000	-	112.485.000.000	-
- Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	405.644.952.503	405.644.952.503	-	405.644.952.503	405.644.952.503	-	405.644.952.503	-
- Công ty TNHH Phát điện GELEX	886.175.161.707	886.175.161.707	-	886.175.161.707	886.175.161.707	-	886.175.161.707	-
- Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị	1.270.350.000.000	1.230.192.572.196	(40.157.427.804)	1.270.350.000.000	1.259.962.643.717	(10.387.356.283)	1.270.350.000.000	(10.387.356.283)
Đầu tư vào Công ty liên kết	-	-	-	1.771.644.295.436	1.771.644.295.436	-	1.771.644.295.436	-
- Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex (*)	-	-	-	1.771.644.295.436	1.771.644.295.436	-	1.771.644.295.436	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.511.533.036.576	-	-	-	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex (*)	1.511.533.036.576	-	-	-	-	-	-	-
	6.883.405.517.538	7.643.498.085.406	(40.157.427.804)	7.143.516.776.398	9.382.037.662.263	(10.387.356.283)	9.382.037.662.263	(10.387.356.283)

(*) Trong kỳ, Công ty đã thực hiện giao dịch thoái một phần vốn tại Công ty Cổ phần Hạ tầng Gelex dẫn tới giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty này từ 22,42% xuống 19,13%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN GELEXTầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành,
Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng****Quý 1/2022****12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	49.404.593	17.850.002
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	111.466.833	20.000.000
	160.871.426	37.850.002
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	204.280.221	206.988.567
Hệ thống Video conference + VoIP	-	15.832.565
Phí trả trước liên quan đến các khoản vay	5.750.000.001	3.000.000.000
	5.954.280.222	3.222.821.132

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
Ngắn hạn				
Phải trả người bán	12.361.238.766	12.361.238.766	16.322.240.473	16.322.240.473
- Công ty cổ phần Ngô Han	-	-	1.796.719.740	1.796.719.740
- Công ty TNHH thép JFE SHOJI Việt Nam	-	-	4.615.482.934	4.615.482.934
- Công ty TNHH DONGNAM	-	-	7.035.155.050	7.035.155.050
- Phải trả các đối tượng khác	12.361.238.766	12.361.238.766	2.874.882.749	2.874.882.749
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	233.322.003.421	233.322.003.421	47.400.380.238	47.400.380.238
	245.683.242.187	245.683.242.187	63.722.620.711	63.722.620.711

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
Người mua trả tiền trước		
- Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	-	32.439.641.000
- Phải trả đối tượng khác	-	664.038.600
	-	33.103.679.600

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN GELEX

Tầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành,
Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Quý 1/2022

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	102.709.564	730.802.400	(665.908.746)	167.603.218
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	<u>102.709.564</u>	<u>733.802.400</u>	<u>(668.908.746)</u>	<u>167.603.218</u>

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
- Chi phí lãi vay	15.202.395.646	29.537.311.704
- Phí Upas	138.531.998	2.435.750.698
- Chi phí phải trả khác	-	594.000.000
	<u>15.340.927.644</u>	<u>32.567.062.402</u>

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
- Lãi bán hàng trả chậm	165.315.403	3.384.445.223
	<u>165.315.403</u>	<u>3.384.445.223</u>

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn		
- BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ	10.096.000	13.192.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	400.000.000.000	300.000.000.000
- Phải trả người lao động	7.895.882	-
- Phải trả lãi vay	995.068.494	-
- Phải trả Ngân hàng thanh toán L/C Upas	310.189.158.479	808.565.277.021
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	617.244.391	44.546.391
	<u>711.819.463.246</u>	<u>1.108.623.015.412</u>
Trong đó:		
- Phải trả các bên liên quan	401.006.614.885	300.000.000.000
- Phải trả các bên khác	310.812.848.361	808.623.015.412

19 . QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Quý 1/2022 VND	Quý 1/2021 VND
Số dư đầu kỳ	114.189.161	148.189.161
Sử dụng trong kỳ	(5.500.000)	(12.500.000)
Số dư cuối kỳ	<u>108.689.161</u>	<u>135.689.161</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN GELEX

Tầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành,
Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Quý 1/2022

20 . VAY	01/01/2022		Trong kỳ		31/03/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
20.1	Vay ngắn hạn	401.439.253.484	401.439.253.484	112.810.331.899	48.438.818.207	465.810.767.176
-	- Vay ngân hàng	401.439.253.484	401.439.253.484	32.810.331.899	48.438.818.207	385.810.767.176
-	- Vay bên liên quan	-	-	80.000.000.000	-	80.000.000.000
	Vay dài hạn đến hạn trả	385.347.162.239	385.347.162.239	983.139.468	-	386.330.301.707
-	- Vay dài hạn đến hạn trả ngân	167.641.154.329	167.641.154.329	-	-	167.641.154.329
-	- Mệnh giá trái phiếu đến hạn thanh toán	217.706.007.910	217.706.007.910	983.139.468	-	218.689.147.378
		786.786.415.723	786.786.415.723	113.793.471.367	48.438.818.207	852.141.068.883
20.2	Vay dài hạn					
-	- Vay ngân hàng	922.358.845.671	922.358.845.671	300.000.000.000	-	1.222.358.845.671
-	- Trái phiếu thường	641.458.143.947	641.458.143.947	1.220.265.153	-	642.678.409.100
-	- Vay bên liên quan	800.000.000.000	800.000.000.000	-	800.000.000.000	-
		2.363.816.989.618	2.363.816.989.618	301.220.265.153	800.000.000.000	1.865.037.254.771

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN GELEX

Tầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành,
Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Quý 1/2022

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**21.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quý đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<i>Quý 1/2021</i>					
Số dư đầu năm trước	2.218.700.000.000	-	5.000.000.000	26.564.916.987	2.250.264.916.987
Lợi nhuận thuần trong kỳ trước	-	-	-	168.779.359.355	168.779.359.355
Chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(22.187.000.000)	(22.187.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	2.218.700.000.000	-	5.000.000.000	173.157.276.342	2.396.857.276.342
<i>Quý 1/2022</i>					
Số dư đầu năm nay	3.000.000.000.000	835.287.500.000	5.000.000.000	292.100.556.756	4.132.388.056.756
Lợi nhuận thuần trong kỳ này	-	-	-	273.141.876.289	273.141.876.289
Số dư cuối kỳ này	3.000.000.000.000	835.287.500.000	5.000.000.000	565.242.433.045	4.405.529.933.045

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN GELEXTầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành,
Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Quý 1/2022

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý 1/2022	Quý 1/2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.000.000.000.000	2.218.700.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>3.000.000.000.000</i>	<i>2.218.700.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>3.000.000.000.000</i>	<i>2.218.700.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	22.187.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	-	<i>22.187.000.000</i>

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/03/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.808,10	1.825,30

23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Quý 1/2022	Quý 1/2021
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	273.141.876.289	168.779.359.355
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	54.628.375.258	33.755.871.871
Các khoản điều chỉnh tăng	7.708.000	7.708.000
- <i>Khấu hao xe ô tô trên 1.6 tỷ</i>	<i>7.708.000</i>	<i>7.708.000</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	(54.636.083.258)	(33.763.579.871)
- <i>Lỗi năm trước chuyển sang</i>	<i>(35.200.900.058)</i>	<i>(867.207.371)</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(19.435.183.200)</i>	<i>(32.896.372.500)</i>
Chi phí thuế TNDN	-	-

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 1/2022	Quý 1/2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	569.258.843.880	794.033.180.670
	569.258.843.880	794.033.180.670

26 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 1/2022	Quý 1/2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	569.258.843.880	794.033.180.670
	569.258.843.880	794.033.180.670
Trong đó:		
- Doanh thu đối với các bên khác	539.720.632.000	257.045.886.000
- Doanh thu đối với bên liên quan	29.538.211.880	536.987.294.670

27 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 1/2022	Quý 1/2021
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	557.348.955.772	785.183.858.835
	557.348.955.772	785.183.858.835

28 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 1/2022	Quý 1/2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	15.772.683.048	1.976.341.594
Lãi bán hàng trả chậm	3.219.129.820	9.256.940.964
Lãi kinh doanh chứng khoán	-	50.810.803.870
Lãi bán các khoản đầu tư	259.802.341.140	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	97.175.916.000	164.481.862.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.641.433.402	2.284.948.677
	379.611.503.410	228.810.897.605

29 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 1/2022	Quý 1/2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	64.518.329.246	50.344.208.261
Phí Upas	2.717.353.440	7.284.954.405
Lãi nhận ký quỹ	10.339.726.028	1.528.767.123
Lỗ kinh doanh chứng khoán	-	2.830.620
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	172.538	146.494.743
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	29.770.071.521	-
Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	2.203.404.621	2.760.810.411
Chi phí tài chính khác	505.355.367	221.356.007
	110.054.412.761	62.289.421.570

30 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý 1/2022	Quý 1/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.499.996	-
Chi phí nhân công	460.362.211	96.955.455
Chi phí dịch vụ mua ngoài	744.208.867	2.753.890.640
Chi phí khác bằng tiền	6.142.035	-
	1.219.213.109	2.850.846.095

31 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 1/2022	Quý 1/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.945.150	1.867.804
Chi phí nhân công	5.228.469.230	1.223.722.204
Chi phí khấu hao tài sản cố định	78.540.000	78.540.000
Thuế, phí, lệ phí	-	3.940.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	616.310.409	1.715.649.895
Chi phí khác bằng tiền	1.179.624.570	686.800.657
	7.105.889.359	3.710.520.560

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Quý 1/2022	Quý 1/2021
	VND	VND
Các khoản khác	-	30.071.860
	-	30.071.860

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Quý 1/2022	Quý 1/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.445.146	1.867.804
Chi phí nhân công	5.688.831.441	1.320.677.659
Chi phí khấu hao tài sản cố định	78.540.000	78.540.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.360.519.276	4.469.540.535
Chi phí khác bằng tiền	1.185.766.605	690.740.657
	8.325.102.468	6.561.366.655

34 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<u><i>Quý 1/2022</i></u>	<u><i>Quý 1/2021</i></u>
			VND	VND
Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	Công ty mẹ	Doanh thu cung cấp dịch vụ	90.000.000	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	615.167.317	508.251.477
		Lợi nhuận đã trả về công ty	-	22.186.560.000
		Đi vay	-	476.000.000.000
		Trả tiền vay	800.000.000.000	478.000.000.000
		Lãi đi vay	9.346.027.397	13.139.011.272
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	Công ty cùng tập đoàn	Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.000.000	-
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	Công ty con	Đi vay	20.000.000.000	-
		Lãi đi vay	289.315.069	-
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.000.000	-
		Cổ tức nhận được	-	165.265.905.000
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Công ty con gián tiếp	Doanh thu bán hàng hóa	-	91.435.663.812
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	18.641.568.677	25.159.224.472
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.000.000	-
		Nhận ký quỹ mua vật tư	400.000.000.000	-
		Lãi ký quỹ mua vật tư phải trả	10.339.726.028	-
		Cổ tức nhận được	39.464.599.000	-
		Thu hồi khoản vay	300.000.000.000	-
		Lãi cho vay	2.547.945.205	-
		Doanh thu bán hàng hóa	6.786.973.621	8.217.076.931
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.000.000	-
		Cổ tức nhận được	29.684.916.000	-
		Đi vay	40.000.000.000	-
		Lãi đi vay	578.630.137	-
Công ty cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	3.938.669.582	9.778.831.686
		Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.000.000	-
		Mua hàng hóa và dịch vụ	528.272.096.350	249.334.509.420
		Cổ tức nhận được	67.491.000.000	-
Công ty TNHH Phát điện GELEX	Công ty con	Đi vay	20.000.000.000	-
		Lãi đi vay	263.013.699	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa	-	402.396.497.769
		Lãi bán hàng trả chậm	3.219.129.820	9.256.940.964
Công ty cổ phần Chứng khoán VIX	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Mua hàng hóa và dịch vụ	353.721.781	59.457.090
		Chuyển nhượng khoản đầu tư	520.000.000.000	-

Số dư với bên liên quan

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu/phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung số dư</i>	<u>31/03/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
			VND	VND
<i>Phải thu khách hàng</i>				
Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	Công ty mẹ	Phải thu dịch vụ	99.000.000	-
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Công ty con	Phải thu dịch vụ	9.900.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Công ty con	Phải thu bán hàng hóa	15.564.795.751	11.252.952.623
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	Công ty con	Phải thu bán hàng hóa	3.938.672.734	2.206.720.489
Công ty cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	Công ty con	Phải thu bán hàng hóa	9.715.594.819	31.374.269.177
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty con	Phải thu bán hàng hóa	169.344.966.872	359.156.275.369
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	Công ty cùng tập đoàn	Phải thu bán hàng hóa	49.500.000	
			<u>198.722.430.176</u>	<u>403.990.217.658</u>
<i>Phải thu khác</i>				
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Công ty con	Phải thu về cổ tức	-	39.464.599.000
			<u>-</u>	<u>39.464.599.000</u>
<i>Phải thu về cho vay dài hạn</i>				
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Công ty con	Cho vay	-	300.000.000.000
			<u>-</u>	<u>300.000.000.000</u>
<i>Phải trả người bán</i>				
Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX	Công ty mẹ	Phải trả về mua hàng hóa, dịch vụ	78.643.661	623.271.678
Công ty cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	Công ty con	Phải trả về mua hàng hóa, dịch vụ	233.243.359.760	46.765.562.169
Công ty chứng khoán VIX	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Phải trả về phí lưu ký chứng khoán	-	11.546.391
			<u>233.322.003.421</u>	<u>47.400.380.238</u>
<i>Chi phí phải trả</i>				
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	Công ty con	Phải trả về lãi vay	135.890.411	-
Công ty chứng khoán VIX	Bên liên quan của thành viên HĐQT	Phải trả về phí tư vấn	-	300.000.000
			<u>135.890.411</u>	<u>300.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN GELEXTầng 23, tòa nhà GELEX, số 52 Phố Lê Đại Hành, P. Lê Đại Hành,
Q. Hai Bà Trưng, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Quý 1/2022

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung số dư</i>	<u>31/03/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
			VND	VND
<i>Phải trả khác</i>				
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	Công ty con	Phải trả về lãi vay	153.424.658	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Công ty con	Phải trả về gốc nhận ký quỹ	400.000.000.000	300.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	Công ty con	Phải trả về lãi vay	578.630.137	-
Công ty chứng khoán VIX	Bên liên quan của thành viên HDQT	Phải trả về phí lưu ký	11.546.391	-
Công ty TNHH Phát điện GELEX	Công ty con	Phải trả về lãi vay	263.013.699	
			<u>401.006.614.885</u>	<u>300.000.000.000</u>
<i>Vay</i>				
Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX (*)	Công ty mẹ	Vay dài hạn	-	800.000.000.000
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	Công ty con	Vay ngắn hạn	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	Công ty con	Vay ngắn hạn	40.000.000.000	-
Công ty TNHH Phát điện GELEX	Công ty con	Vay ngắn hạn	20.000.000.000	-
			<u>80.000.000.000</u>	<u>800.000.000.000</u>

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán



Nguyễn Thị Vân Anh
Người lập



Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2022

